UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ KHA SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1840 /QĐ-UBND	*Kha Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Kha Sơn năm 2026

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ KHA SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15/8/2025 của Đảng bộ xã Kha Sơn lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/ĐU ngày 18/12/2025 của Đảng bộ xã Kha Sơn khoá I, nhiệm kỳ 2025-2030 về lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Kha Sơn về việc thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021-2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026-2030 xã Kha Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Kha Sơn về việc thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xã Kha Sơn.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 697 /TTr-UBND ngày 31/12/2025 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xã Kha Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Kha Sơn năm 2026, theo các nội dung sau:

(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

Căn cứ nội dung của Quyết định này Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan theo nhiệm vụ được giao khẩn trương cụ thể hoá, triển khai giao kế hoạch chi tiết theo nhiệm vụ được phân cấp để có cơ sở thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm 2026.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể phối hợp với các xóm trên địa bàn xây dựng kế hoạch, phương án hoạt động cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, đoàn thể; các ông (bà) trưởng xóm trên địa bàn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KHA SƠN T.THÁI NGUYÊN

Nguyễn Đắc Vinh

PHỤ BIỂU

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 XÃ KHA SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1840 /UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Kha Sơn)

STT	Các chỉ tiêu cụ thể	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Cơ quan, đơn vị thực hiện
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	*Triệu đồng*	176.097	Phòng Kinh tế
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*Triệu đồng*	*150.000*	Phòng Kinh tế
-	*Thu nội địa*	*Triệu đồng*	*26.097*	Phòng Kinh tế
2	Tốc độ tăng thu ngân sách địa phương không bao gồm tiền thu sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu	*%*	*-19,2*	Phòng Kinh tế
3	Sản lượng Lương thực có hạt	*Tấn*	17.800	Phòng Kinh tế
4	Sản lượng chè búp tươi	*Tấn*	25	Phòng Kinh tế
5	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng	*Tấn*	7.980	Phòng Kinh tế
6	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	*%*	100	Phòng Văn hoá-xã hội
7	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng	*%*	100	Phòng Văn hoá-xã hội
8	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	*%*	95	Phòng Văn hoá-xã hội
9	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	*%*	75	Phòng Văn hoá-xã hội
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	*%*	0,34	Phòng Kinh tế
11	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn	*%*	72	Phòng Kinh tế
12	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	*%*	100	Phòng Văn hoá-xã hội
13	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	*%*	100	Phòng Văn hoá-xã hội
14	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	*%*	<2,3	Phòng Văn hoá-xã hội
15	Số người mới sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại trong năm	*Người*	2.100	Trạm y tế
16	Tỷ lệ cặp nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn	*%*	52	Trạm y tế
17	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh đủ 4 bệnh)	*%*	45	Trạm y tế

STT	Các chỉ tiêu cụ thể	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Cơ quan, đơn vị thực hiện
18	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh đủ 5 bệnh)	%	60	Trạm y tế
19	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khoẻ định kỳ ít nhất 01 lần/năm	%	82	Trạm y tế
20	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	>90	Phòng Văn hoá-xã hội
21	Tỷ lệ xóm đạt chuẩn văn hóa	%	>90	Phòng Văn hoá-xã hội
22	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	>92	Phòng Văn hoá-xã hội
23	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	Phòng Văn hoá-xã hội
24	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại thành thị	%	65	Phòng Kinh tế
25	Tỷ lệ công suất vận hành trạm XLNT trên tổng công suất theo quy hoạch của từng đô thị	%	15	Phòng Kinh tế
26	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh	%	20	Phòng Kinh tế
27	Tỷ lệ lực lượng dân quân tự vệ so với dân số	%	2,1	BCH quân sự
28	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	25,77	BCH quân sự